

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-BNV

Hà Nội, ngày tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách Nhà nước năm 2020

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

Căn cứ Nghị định số 34/2017/NĐ-CP ngày 03/4/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách Nhà nước năm 2020 của Bộ Nội vụ (theo bảng biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị dự toán thuộc, trực thuộc và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng;
- Bộ Tài chính;
- Công thông tin điện tử BNV;
- Lưu VT, KHTC.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Trọng Thừa

THUYẾT MINH SỐ LIỆU QUYẾT TOÁN NĂM 2020

*(Kèm theo quyết định số /QĐ-BNV ngày tháng 01 năm 2022
của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)*

Căn cứ Thông báo số 909/TB-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2021 của Bộ Tài chính về việc thẩm định quyết toán ngân sách nhà nước năm 2020 của Bộ Nội vụ;

Bộ Nội vụ công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2020 như sau:

I. Nguồn ngân sách trong nước:

1. Số dư kinh phí năm 2019 chuyển sang năm 2020: 7.947.905.716 đồng (Thông báo số 948/TB-BTC ngày 14/12/2020 của Bộ Tài chính thẩm định quyết toán ngân sách năm 2019); gồm:

2. Dự toán được giao trong năm: 611.678.355.229 đồng

a) Dự toán giao đầu năm: 600.550.000.000 đồng theo Quyết định số 2502/QĐ-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

b) Dự toán bổ sung trong năm: 11.128.355.229 đồng; gồm:

(1) *Sự nghiệp giáo dục đào tạo:* 1.100.724.210 đồng, gồm:

- Bổ sung kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo công văn số 10159/BTC-HCSN ngày 24/8/2020 của Bộ Tài chính: 646.650.072 đồng

- Bổ sung kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo công văn số 13955/BTC-HCSN ngày 13/11/2020 của Bộ Tài chính: 454.074.138 đồng

(2) *Sự nghiệp Khoa học - công nghệ:* 7.141.830.000 đồng, gồm:

- Bổ sung kinh phí thực hiện cải cách tiền lương theo công văn số 979/BTC-HCSN ngày 03/02/2020 của Bộ Tài chính: 141.830.000 đồng

- Bổ sung kinh phí Biên soạn Lịch sử Chính phủ theo Quyết định số 1132/QĐ-TTg ngày 28/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ: 7.000.000.000 đ

(3) *Sự nghiệp kinh tế:* 20.330.000 đồng

- Bổ sung kinh phí thực hiện cải cách tiền lương theo công văn số 979/BTC-HCSN ngày 03/02/2020 của Bộ Tài chính: 20.330.000 đồng

(4) *Sự nghiệp Văn hóa - Thông tin:* 456.351.190 đồng

- Bổ sung kinh phí tinh giản biên chế theo công văn số 10159/BTC-HCSN ngày 24/8/2020: 456.351.190 đồng

(5) *Quản lý hành chính:* 2.409.119.829 đồng; gồm:

- Bổ sung kinh phí thực hiện cải cách tiền lương theo công văn số 979/BTC-HCSN ngày 03/02/2020 của Bộ Tài chính: 1.847.360.000 đồng

- Bổ sung kinh phí tinh giản biên chế theo công văn số 10159/BTC-HCSN ngày 24/8/2020: 310.992.774 đồng

- Bổ sung kinh phí tinh giản biên chế theo công văn số 13955/BTC-HCSN ngày 13/11/2020: 250.767.055 đồng

3. Kinh phí giảm trong năm: 85.357.825.066 đồng, gồm:

a) Kinh phí thường xuyên/tự chủ: 6.243.075.385 đồng, gồm:

- Số còn phải nộp: 5.441.531 đ (Loại 160-161) là khoản chi sai chế độ phải xuất toán của Trung tâm lưu trữ quốc gia III (1.737.204 đồng, chi làm thêm giờ không đúng mức chi); Trung tâm Bảo hiểm (3.704.327 đồng).

- Dự toán hủy: 6.237.633.854 đồng; gồm:

+ Dự toán hủy do cắt giảm theo Nghị quyết 84/NQ-CP của Chính phủ 6.051.000.000 đồng (công văn số 4106/BNV-KHTC ngày 10/8/2020 của Bộ Nội vụ xác định số cắt giảm 6 tháng cuối năm 2020).

+ Loại 340-341: 106.633.854 đồng, dự toán hủy theo kiến nghị quyết toán NSNN năm 2019 của Bộ Tài chính (kinh phí nộp BHXH năm 2017), gồm: Văn phòng Bộ: 64.654.600 đồng; Ban Tôn giáo Chính phủ: 16.120.344 đồng; Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương: 15.806.739 đồng; Văn phòng Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước: 10.052.171 đồng.

+ Loại 070-081: 80.000.000 đồng, Kinh phí thừa hủy bỏ của Học viện Hành chính Quốc gia.

b) Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ: 79.114.749.681 đồng, gồm:

* Số còn phải nộp: 180.310.107 đ; gồm: Loại 070-081: 114.774.641 đồng (Học viện Hành chính quốc gia: 61.268.771 đồng, Trường Đại học Nội vụ Hà Nội: 53.505.900 đồng); Loại 160-161: 65.535.436 đồng (Trung tâm BHTLLTQG: 46.135.898 đồng, Trung tâm LTQG III: 439.538 đồng, Trung tâm LTQG I: 18.960.000 đồng)

* Dự toán hủy: 78.934.439.574 đồng; gồm:

- Dự toán chưa được Bộ Tài chính thống nhất phân bổ: 1.832.000.000 đồng, Loại 160-161, theo công văn số 8213/BTC-HCSN ngày 07/7/2020 của Bộ Tài chính.

- Kinh phí bổ sung thực hiện chính sách tinh giản biên chế sử dụng: 250.767.055 đồng. (Loại 160-161 theo Công văn số 10159/BTC-HCSN ngày 24/8/2020 của Bộ Tài chính do không có nhu cầu).

- Dự toán hủy do cắt giảm theo Nghị quyết 84/NQ-CP của Chính phủ 5.385.000.000 đồng theo Công văn số 4106/BNV-KHTC ngày 10/8/2020 của Bộ Nội vụ.

- Dự toán hủy do không có nhu cầu sử dụng: 71.466.672.519 đồng, gồm:

+ Loại 070-081: 12.188.054.576 đồng. Kinh phí ngân sách cấp bù miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập không sử dụng hết của trường Đại học Nội vụ Hà Nội và nhiệm vụ hỗ trợ tăng cường cơ sở vật chất, kinh phí hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số, kinh phí tinh giản biên chế của Học viện Hành chính Quốc gia.

+ Loại 070-082: 49.500 đồng, hủy dự toán do hết niên độ kế toán của nhiệm vụ hỗ trợ đổi mới chương trình giáo trình sau đại học của Học viện Hành chính

Quốc gia.

+ Loại 070-083: 1.644.131.513 đồng, một số nội dung thực hiện nhiệm vụ đào tạo theo Quyết định 1956/QĐ-TTg và Quyết định 1600/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ không thực hiện hết của Văn phòng Bộ.

+ Loại 070-085: 17.509.241.693 đồng, kinh phí đào tạo, bồi dưỡng không sử dụng hết, không tổ chức đoàn bồi dưỡng tại nước ngoài do ảnh hưởng của dịch Covid-19; của Văn phòng Bộ là 14.728.204.600 đồng (trong đó kinh phí đào tạo nước ngoài 10.800.000.000 đồng); của Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước là 130.001.967 đồng, Học viện Hành chính Quốc gia là 1.404.133.186 đồng, Viện Khoa học Tổ chức nhà nước là 138.131.440 đồng, Trung tâm Thông tin là 236.822.000 đồng không sử dụng hết do dịch Covid-19.

+ Loại 100-103: 655.750.090 đồng, gồm: Kinh phí hoạt động không thường xuyên dự toán (143.000.000 đồng, công văn số 13286/BTC-HCSN ngày 29/10/2020 của Bộ Tài chính; kinh phí các đề tài nghiên cứu khoa học không sử dụng hết và hủy kinh phí đoàn ra, hội thảo khoa học không thực hiện được của Viện khoa học Tổ chức nhà nước 512.750.090 đồng).

+ Loại 160-161: 253.204.935 đồng hủy do không thực hiện hết

+ Loại 160-171: 622.638.000 đồng, kinh phí CTMT, gồm kinh phí của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương và kinh phí của Trung tâm Thông tin không thực hiện hết.

+ Loại 250-278: 139.556.416 đồng, kinh phí chi sự nghiệp môi trường không sử dụng của Ban Tôn giáo Chính phủ.

+ Loại 280-332: 286.256.475 đồng, kinh phí của Văn phòng Bộ (Dự án 513) không sử dụng hết.

+ Loại 340-341: 38.162.244.219 đồng.

+ Loại 340-368: 2.225.103 đồng, kinh phí đóng niên liễm không sử dụng.

+ Loại 370-398: 3.320.000 đồng của Văn phòng Bộ Nội vụ.

4. Kinh phí thực nhận trong năm: 517.669.400.374 đồng, gồm:

- Kinh phí thường xuyên/tự chủ: 264.589.346.601 đồng;

- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ: 253.080.053.773 đồng.

5. Kinh phí quyết toán trong năm: 516.507.648.736 đồng

- Kinh phí thường xuyên/tự chủ: 264.757.905.070 đồng;

- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ: 251.749.743.666 đồng.

6. Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm 2021 sử dụng và quyết toán: 17.760.787.143 đồng

a) Kinh phí thường xuyên/tự chủ: 14.340.649.623 đồng; gồm:

- Kinh phí đã nhận: 160.000.000 đồng, loại 340-341, kinh phí tự chủ của Văn phòng Bộ.

- Dự toán còn dư ở kho bạc: 14.180.649.623 đồng,
- b) Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ: 3.420.137.520 đồng, gồm:
 - Loại 100-103: 3.376.687.520 đồng, kinh phí thực hiện các đề tài khoa học đang trong giai đoạn thực hiện được chuyển nguồn theo quy định, gồm:
 - + Kinh phí thực nhận: 1.150.000.000 đồng;
 - + Dự toán: 2.226.687.520 đồng;
 - Loại 340-341: 43.450.000 đồng, kinh phí thực hiện cải cách tiền lương của Trung tâm lưu trữ quốc gia tài liệu điện tử.

II. Nguồn phí được khấu trừ để lại:

- Số dư kinh phí năm 2019 chuyển sang năm 2020: 849.348.076 đồng.
- Số thu được trong năm: 1.602.519.000 đồng.
- Số được sử dụng trong năm: 2.451.867.076 đồng.
- Số kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán: 1.784.101.732 đồng.
- Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán: 667.765.344 đồng.

III. Nguồn vốn viện trợ (Dự án VNM9P04)

1. Số dư kinh phí năm 2019 chuyển sang năm 2020: 0 đồng
2. Số nhận viện trợ trong năm: 6.197.276.483 đồng.
3. Số kinh phí sử dụng đề nghị quyết toán: 6.079.698.505 đồng.
4. Số được duyệt: 0 đồng.
5. Số chuyển năm sau quyết toán: 6.197.276.483 đồng./.